

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Quyết Thắng và ông Cà Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2022/TLST-HN&GD ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lò Thị Đ, năm sinh: 1998; nơi ĐKKTT: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Vắng mặt.

Bị đơn: Cà Văn Quỳnh, năm sinh: 1993; nơi ĐKKTT: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện nay đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 3 - Hà Nội; địa chỉ: Thôn Xuân Đồng, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2022, bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Lò Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị Đ và anh Cà Văn Q chung sống với nhau từ năm 2017, nhưng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 15/3/2019. Kể từ khi chung sống thì hạnh phúc được năm đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Cà Văn Q sử dụng ma túy, vì sử dụng ma túy khi không có tiền mua ma túy sử dụng anh Q mang tài sản của gia đình đi bán lấy tiền. Cuộc sống vợ chồng từ

khi phát hiện anh Q sử dụng ma túy thì ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, chị Đ trước đây cũng đã trao đổi với anh Q về việc yêu cầu ly hôn, nhưng anh Q xin cho anh Q cơ hội, vì thương con nên chị Đ đã cố gắng chung sống với anh Q cho đến cuối năm 2020 do không chịu đựng được nên chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Thời gian không sống chung, chị Đ và anh Q không còn quan tâm, chia sẻ với nhau; tình cảm của chị Đ với anh Q dần phai nhạt cho đến nay không còn tình cảm với anh Q. Trong thời gian anh Q đi cai nghiện, chị Đ cũng không đi thăm anh Q vì chị cho rằng chị không còn tình cảm với anh Q, chị Đ không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh Q, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh Cà Văn Q.

Về con chung: Chị Lò Thị Đ và anh Cà Văn Q có 01 con chung, cháu là Cà Tùng L; sinh ngày 16/11/2018. Khi ly hôn chị Đ đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi cháu Cà Tùng L cho đến khi cháu L đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động. Chị Đ không đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con, vì anh Q cũng không có điều kiện cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Về án phí: Chị Lò Thị Đ đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản văn bản ghi ý kiến ngày 14/4/2022, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/5/2022 bị đơn anh Cà Văn Q trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Cà Văn Q và chị Lò Thị Đ chung sống với nhau từ năm 2017, nhưng đến ngày 15/3/2019 đi đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Trong cuộc sống giữa anh Q và chị Đ không xảy ra mâu thuẫn gì chỉ vì anh Q sử dụng ma túy nên đến nay anh phải đi cai nghiện bắt buộc với thời gian là 24 tháng, đi cai nghiện từ tháng 12/2021. Nay anh Q xin được đoàn tụ và cố gắng sẽ cai nghiện ma túy.

Về con chung: Anh Cà Văn Q và chị Lò Thị Đ có 01 con chung, cháu là Cà Tùng L; sinh ngày 16/11/2018. Vì hiện tại anh Q đang cai nghiện ma túy nên không có điều kiện nuôi con, nên đồng ý giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q chưa cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 07/6/2022 của anh Cà Văn Q ghi ý kiến như sau: Về hôn nhân, anh Q cho rằng vợ chồng không hợp, không thể sống chung với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn. Về con chung, anh Q có ý kiến nhận nuôi cháu Cà Tùng L, sinh ngày 16/11/2018 và đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị Đ, cho chị Lò Thị Đ ly hôn với anh Cà Văn Q; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia

đinh giao cháu Cà Tùng L; sinh ngày 16/11/2018 cho chị Lò Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Đ và anh Q không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phân cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý; sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị Đ với anh Cà Văn Q thì được xác định là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị Đ nộp đơn khởi kiện, anh Q có nơi ĐKKTT tại bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lò Thị Đ và anh Cà Văn Q đúng theo quy định tại Điều 175; Điều 177; Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 19/5/2022, anh Q vắng mặt nhưng không có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lại vào ngày 10/6/2022 chị Đ và anh Q đều có đơn xin vắng mặt, việc đưa ra xét xử vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự vắng mặt và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Đ và anh Cà Văn Q chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 15/3/2019. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị Đ và anh Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Nguyên nhân dẫn đến việc chị Đ xin ly hôn là do anh Q sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn nên chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian từ năm 2020 đến trước khi anh Q đi cai nghiện bắt buộc, thì chị Đ và anh Q đã không còn sống chung, giữa vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ gì với nhau. Hơn nữa chị Đ và anh Q đều khẳng định, khi anh Q đi cai nghiện bắt buộc thì chị Đ cũng không thăm gặp anh Q. Tại đơn đề nghị ngày 07/6/2022 anh Q có ý kiến đồng ý ly hôn. Để đảm bảo khách quan về giải quyết hôn nhân của chị Đ và anh Q, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh Q đã có rạn nứt, nguyên nhân là do anh Q sử dụng ma túy nên chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2020 cho đến nay. Do đó có thể thấy rằng,

cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh Q đã có rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xét thấy chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh Q là có căn cứ. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị Đ, cho chị Lò Thị Đ ly hôn với anh Cà Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị Đ và anh Cà Văn Q có 01 người con chung, cháu Cà Tùng L; sinh ngày 16/11/2018. Cháu Cà Tùng L hiện nay được chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị Lò Thị Đ và anh Cà Văn Q đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên HĐXX thấy khi chị Đ nuôi dưỡng con chung, vẫn đảm bảo về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt, học tập cho cháu L; còn anh Q không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con vì anh Q đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 3 - Hà Nội. Vì vậy để đảm bảo cho cháu L tiếp tục có cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cho chị Lò Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng; việc không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu L, vì chị Đ vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu L, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy chị Lò Thị Đ là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị Đ đã có đơn đề nghị miễn án phí; nên chị Đ đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Đ được ly hôn với anh Cà Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Tùng L; sinh ngày 16/11/2018 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Anh Q chưa cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị Đ có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Cà Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị Đ, anh Cà Văn Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, riêng: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị Đ được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Đ, anh Cà Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga